# Nhận diện cơ hội và thách thức trong quan hệ kinh tế Việt Nam - Ấn Độ(*)

NGÔ XUÂN BÌNH*

***Tóm tắt:*** *Trong bản tuyên bố chung Việt Nam - Ấn Độ năm 2016, hai nước xác định tăng cường hợp tác kinh tế là một mục tiêu chiến lược trong Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Ấn Độ. Kể từ tháng 3 năm 2018, hợp tác kinh tế trở thành mục tiêu chiến lược, thành tố cốt lõi của quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện và cần thiết đối với việc tăng cường quan hệ song phương nói chung. Hiện nay, Việt Nam và Ấn Độ đang đứng trước nhiều cơ hội và đối mặt với nhiều thách thức. Hai quốc gia cần phải làm gì để khai thác tốt các cơ hội và kiềm chế những thách thức đó.*

***Từ khóa:*** *Quan hệ kinh tế, Đối tác chiến lược toàn diện, Việt Nam, Ấn Độ.*

## 1. Cơ hội trong tiến trình hợp tác kinh tế Việt Nam - Ấn Độ

### *1.1. Từ phía Ấn Độ*

Ấn Độ đang nổi lên là một trung tâm kinh tế lớn của thế giới, đã đạt mức tăng trưởng trung bình là 7,3% trong giai đoạn từ 2014 - 2017, vượt qua tốc độ tăng trưởng của Trung Quốc (6,9%) (IMF, 2017). Năm 2018, bên cạnh những quan ngại liên quan đến những quyết sách kinh tế mới như chính sách phi tiền tệ hóa và chính sách thuế hàng hóa dịch vụ (GST), Ấn Độ vẫn được IMF dự báo sẽ tiếp tục vượt qua Trung Quốc đạt mức tăng trưởng 7,4% (IMF, 2018). Bên cạnh đó, một môi trường kinh tế vĩ mô với tỷ lệ lạm phát bán lẻ trung bình ở mức 3,4% (trong giai đoạn từ tháng 4/2017 – 1/2018), thấp hơn đáng kể so với mức 4,5% trong cùng kỳ năm 2016 - 2017. Dự trữ ngoại hối đạt mức khoảng 420 tỷ USD (tính đến tháng 2/2018) sẽ tạo nguồn cung ngoại hối cho các hoạt động xuất nhập khẩu của Ấn Độ (KPMG 2018). Tốc độ tăng trưởng cao tạo bàn đạp để Ấn Độ phát triển kinh tế đối ngoại, thúc đẩy quan hệ kinh tế - thương mại với các nước trong đó có Việt Nam.

Kinh tế Ấn Độ đang đạt tăng trưởng ổn định và là điểm sáng của nền kinh tế toàn cầu. Trong cương lĩnh tranh cử, ông Narendra Modi và Đảng BJP đã đề ra chủ trương sớm xây dựng Ấn Độ thành một cường quốc về kinh tế có trình độ khoa học - công nghệ phát triển. Ngay sau khi lên cầm quyền, nhiều biện pháp cụ thể đã được chính phủ Thủ tướng Modi đưa ra trong đó nổi bật là: tăng cường đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, tăng tốc độ đô thị hóa; tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, thân thiện, thu hút đầu tư nước ngoài. Việt Nam đánh giá cao tiềm năng kinh tế của Ấn Độ,

*Đại học Hòa Bình

(*) *Bài viết là kết quả nghiên cứu thuộc đề tài NAFOSTED mã số 502.02-2018.300.*

tranh thủ thế mạnh của Ấn Độ trên các lĩnh vực công nghiệp vừa và nhỏ, công nghiệp chế biến, một số ngành kỹ thuật cao như năng lượng nguyên tử, công nghệ sinh học, điện tử, phần mềm máy tính. Khối lượng máy móc, thiết bị Việt Nam nhập của Ấn Độ ngày càng nhiều như thiết bị nhà máy đường, máy đúc thép liên tục, lốp ô tô, xe bus, thuốc tân dược... (Đỗ Đức Định, 2017). Việt Nam trở thành một trong những thị trường tiềm năng thúc đẩy thương mại song phương, là bạn hàng quan trọng của Ấn Độ. Tổng giá trị xuất khẩu của Ấn Độ sang Việt Nam không ngừng tăng lên sau mỗi năm. Nếu như vào năm 2007 – 2008, xuất khẩu Ấn Độ sang Việt Nam mới chỉ đạt 1,6 tỷ USD thì đến năm 2017 – 2018 con số đạt gần 8 tỷ USD *(xem Bảng 1)*.

***Bảng 1:*** **Số liệu xuất nhập khẩu trong thương mại song phương Việt Nam - Ấn Độ**

*Đơn vị: Tỷ USD*

| | 2007-08 | 2009-10 | 2011-12 | 2013 - 14 | 2015 - 16 | 2017-18 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Tổng giá trị thương mại** | 1,8 | 2,3 | 5,4 | 7,0 | 7,8 | 12,8 |
| **Xuất khẩu của Ấn Độ sang Việt Nam** | 1,6 | 1,8 | 3,7 | 5,4 | 5,3 | 7,8 |
| **Nhập khẩu của Ấn Độ từ Việt Nam** | 0,2 | 0,5 | 1,7 | 2,6 | 2,5 | 5,0 |

***Nguồn:*** *Export – Import Data Bank, Department of Commerce, Ministry of Commerce and Industry, Government of India, http://www.commerce-app.gov.in/eidb/default.asp.*

Những nỗ lực tạo ảnh hưởng về mặt kinh tế của Ấn Độ kể từ khi chính sách hướng Đông ra đời và được nâng cấp thành Hành động hướng Đông cũng đã tạo ra tiền đề rất quan trọng cho việc tăng cường quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Ấn Độ.

"Hành động hướng Đông" cho tới nay đã và đang trong quá trình triển khai tương đối nhanh và toàn diện. Về thuận lợi, tình hình trong nước Ấn Độ có sự quyết tâm, thống nhất trong nội bộ. Tại một hệ thống chính trị đa đảng như Ấn Độ, sự thống nhất nội bộ là hết sức quan trọng để tiếp tục đẩy mạnh "Hành động hướng Đông" trong thời gian tới, trong khi thế và lực của Đảng Nhân dân Ấn Độ (BJP) đang được tăng cường, phát triển ổn định. Điều này tạo cơ sở thuận lợi cho Chính phủ Modi cả về vật chất và tinh thần để đẩy nhanh "Hành động hướng Đông". Trong chuyến thăm chính thức của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng năm 2014, Thủ tướng Modi đã công khai phát biểu "Ấn Độ dành ưu tiên cao nhất trong quan hệ với Việt Nam trong nỗ lực tăng cường quan hệ với khu vực châu Á – Thái Bình Dương (Nguyễn Thanh Tân, 2017).

Trên cơ sở mối quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện giữa hai nước và với những chính sách kinh tế mới của Chính phủ Ấn Độ, các doanh nghiệp Việt Nam có thể tận dụng cơ hội này để tăng cường hợp tác, đầu tư kinh doanh với Ấn Độ, đặc biệt trên một số lĩnh vực như công nghệ thông tin, cơ khí chế tạo, năng lượng... Việt Nam liên tục là điểm đầu tư hấp dẫn cho các công ty Ấn Độ trong khu vực ASEAN khi trong năm 2015 - 2016, lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Ấn Độ ở Việt Nam chỉ đạt 9,4 triệu USD thì đến năm 2016 - 2017 đã tăng trưởng ấn tượng đạt 18,8 triệu USD (chiếm khoảng 56% tổng vốn đầu tư trực tiếp của Ấn Độ vào các nước CLMV) (Eximbank India, 2017). Một trong những dự án đầu tư có quy mô lớn là việc Tập đoàn thép TATA của Ấn Độ hợp tác với Tổng công ty thép Việt Nam để nghiên cứu xây dựng

Nhà máy liên hợp Hà Tĩnh, khai thác mỏ sắt Thạch Khê với công suất 4,5 triệu tấn thép/năm. Ngoài ra, Tập đoàn thép TATA cũng tiếp tục phân bổ 2,1 tỷ USD xây dựng nhà máy nhiệt điện tại tỉnh Sóc Trăng.

### *1.2. Từ phía Việt Nam*

Kể từ Đại hội VI mở đầu cho thời kỳ Đổi mới đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn xác định hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực có thể thông qua nhiều cấp độ trong đó có nỗ lực thực hiện mở cửa và thúc đẩy tự do hóa kinh tế trên cấp độ song phương. Việt Nam hướng tới nỗ lực xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh vì người dân và doanh nghiệp, tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật, bảo vệ môi trường... Công cuộc đổi mới của Việt Nam đã tạo nền tảng vững chắc cho quá trình liên kết kinh tế giữa Ấn Độ và Việt Nam, đặc biệt mở rộng không gian kinh doanh cho các chủ thể; khơi dậy mọi tiềm năng của doanh nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp, nhà đầu tư Ấn Độ.

Việt Nam cũng luôn đặt trọng tâm hàng đầu trong việc thúc đẩy hợp tác toàn diện với Ấn Độ, nhất là với cộng đồng doanh nghiệp Ấn Độ trong tiến trình tái cấu trúc nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng và hướng tới phát triển bền vững. Việt Nam chủ động làm việc hiệu quả với Ấn Độ, tạo dựng được một khuôn khổ pháp lý khá đầy đủ làm cơ sở cho việc phát triển và tăng cường quan hệ hợp tác, trao đổi thương mại. Kết quả là, phương thức trao đổi thương mại giữa Việt Nam - Ấn Độ đã có những bước thay đổi căn bản, các hoạt động xúc tiến thương mại ngày càng được mở rộng thông qua hoạt động của các ủy ban hỗn hợp, tổ chức xúc tiến thương mại. Trước đây, các doanh nghiệp Việt Nam thường phải tiến hành xuất khẩu hoặc nhập khẩu qua các công ty trung gian thì đến nay doanh nghiệp hai bên đã chủ động tiếp cận, trao đổi, giao dịch trực tiếp với nhau. Nhiều doanh nghiệp Ấn Độ thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh, liên doanh cũng như các doanh nghiệp 100% vốn của công ty Ấn Độ tại Việt Nam.

Ngoài ra, sự trỗi dậy của Trung Quốc và những động thái hung hăng trên biển của nước này trong những năm gần đây cũng mở ra cơ hội để Việt Nam phát triển các liên kết kinh tế với Ấn Độ. Việt Nam đang mở rộng quan hệ và hợp tác kinh tế với Ấn Độ chặt chẽ hơn để giảm sự phụ thuộc kinh tế vào Trung Quốc, đặc biệt trong các lĩnh vực dệt may, hóa chất nông nghiệp, máy móc, tài chính và công nghệ thông tin (Ngô Xuân Bình, 2016). Trung Quốc hiện đang cung cấp phần lớn nguyên liệu cho ngành dệt may Việt Nam. Gần một nửa lượng sợi và vải nhập khẩu của Việt Nam là từ Trung Quốc. Thúc đẩy quan hệ kinh tế với Ấn Độ là một trong những biện pháp đa dạng hóa thị trường Việt Nam theo khuyến cáo của nhiều nhà nghiên cứu Việt Nam (Hoàng Thế Anh, 2015).

### *1.3. Từ bối cảnh khu vực – quốc tế*

Xu thế liên kết, hợp tác tiếp tục phát triển, đặc biệt là ở khu vực Đông Á – Thái Bình Dương. Bên cạnh đó, một số điểm nóng tại khu vực, như vấn đề biển Đông, biển Hoa Đông và các vấn đề an ninh phi truyền thống ngày càng diễn biến phức tạp, khó kiểm soát, đòi hỏi các quốc gia phải liên kết, tăng cường hợp tác để giải quyết, cũng là cơ sở để Ấn Độ thúc đẩy quan hệ với Đông Á. Sự ủng hộ của các nước lớn như Nhật Bản, Mỹ, Hàn Quốc... đối với vai trò tăng lên của Ấn Độ tại khu vực vì lợi ích chung và để kiềm chế sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc. Nhiều cơ chế hợp tác kinh tế đa phương giữa Ấn Độ với các đối tác chủ chốt ở khu vực, tạo điều kiện để Ấn Độ hội nhập kinh tế sâu rộng vào khu vực. Việc Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) chính thức hình thành hồi tháng 12/2015 đã mở ra nhiều cơ hội và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Ấn Độ đến kinh doanh ở khu vực Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam.

Hợp tác kinh tế của Ấn Độ ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương gia tăng đáng kể thông qua các FTA ở khu vực. Trong số khoảng 28 FTA dưới các hình thức mà Ấn Độ tham gia (kể cả đã ký kết và đang đàm phán), khu vực châu Á – Thái Bình Dương chiếm phần lớn như hiệp định với

ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc, Indonesia, Malaysia, Singapore, Thái Lan và RCEP... Đặc biệt, việc triển khai chính thức Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Ấn Độ trong cả lĩnh vực hàng hóa (2010), thương mại dịch vụ và đầu tư (2015) càng mở ra nhiều tiềm năng hợp tác giữa Ấn Độ và Việt Nam đặc biệt trong lĩnh vực dịch vụ. Với vị trí mũi nhọn trong phát triển kinh tế, Chính phủ Ấn Độ thúc đẩy hợp tác trong nhiều loại hình dịch vụ.

Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ (AITIG) đã góp phần thúc đẩy thương mại hàng hóa giữa hai nước khi Việt Nam được hưởng đầy đủ ưu đãi từ cam kết giảm thuế của Ấn Độ và các nước ASEAN khác. Ấn Độ cắt giảm thuế quan đối với nhiều mặt hàng mà Việt Nam có thế mạnh như cắt giảm thuế xuống còn 45% đối với cà phê và chè đen và 50% đối với hạt tiêu vào năm 2018 (Đỗ Thắng Hải, 2017). Ngoài ra, với sự ra đời của AITIG, năm 2009, Ấn Độ chính thức công nhận Việt Nam là nước có nền kinh tế thị trường đầy đủ, góp phần đưa hàng hóa Việt Nam tiến sâu hơn vào thị trường Ấn Độ. Bên cạnh đó, nhiều sản phẩm xuất khẩu của Ấn Độ vào Việt Nam cũng được hưởng thuế suất ưu đãi từ 0 – 9,4% theo cam kết của hiệp định khiến hàng hóa nhập khẩu từ Ấn Độ cũng có giá cạnh tranh, chất lượng khá ở thị trường Việt Nam. Nhờ đó, quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Ấn Độ trong nhiều năm qua có sự tăng trưởng mạnh mẽ, đưa hai nước trở thành một trong những đối tác thương mại hàng đầu của nhau.

Như vậy, những phát triển mới trong quan hệ hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Ấn Độ là xuất phát từ nhu cầu và lợi ích của mỗi nước, nhằm cải thiện vị thế và sức mạnh của mỗi nước và góp phần xây dựng một khu vực hợp tác kinh tế hòa bình, ổn định và đóng góp cho sự phát triển chung của khu vực.

## 2. Thách thức trong tiến trình hợp tác kinh tế Việt Nam - Ấn Độ

### *2.1. Từ phía Ấn Độ*

Về khó khăn của nền kinh tế Ấn Độ, tốc độ tăng trưởng nhanh nhưng vẫn có những giai đoạn trì trệ và sụt giảm nghiêm trọng. Sau giai đoạn phát triển nhanh (trung bình 7% trong giai đoạn 2013 – 2011), kinh tế Ấn Độ sụt giảm mức tăng trưởng xuống còn 4,5% trong năm 2012 - 2013 (Nguyễn Thanh Tân, 2017). Dưới thời kỳ của thủ tướng Modi từ năm 2014, Ấn Độ đã đạt mức tăng trưởng trở lại, tuy nhiên, gần đây nhiều chính sách của Chính phủ đi vào thực tế đã gây ra nhiều tác động tới nền kinh tế Ấn Độ trong đó nổi bật là chính sách đổi tiền vào tháng 11/2016 và chính sách thuế GST vào năm 2017. Đặc biệt trong Quý I (tháng 4 – tháng 7 năm tài chính 2017 - 2018), tốc độ tăng trưởng GDP của Ấn Độ chứng kiến quý thứ 5 liên tiếp sụt giảm xuống mức 5,7% và tốc độ tăng trưởng này xếp ở mức thấp nhất trong vòng 3 năm qua kể từ khi Thủ tướng Modi chính thức lên cầm quyền vào tháng 5/2014. Sự thiếu ổn định của nền kinh tế Ấn Độ trong các lĩnh vực tài chính, tiền tệ... cũng gây ra những khó khăn cho các doanh nghiệp Việt Nam khi mở rộng hợp tác kinh doanh tại Ấn Độ.

Ấn Độ xây dựng một cơ cấu kinh tế rất khác so với Nhật Bản, Trung Quốc hay Hàn Quốc. Trong khi các nước này đều coi lĩnh vực chế tạo và xuất khẩu là trọng tâm, thì Ấn Độ lại nhấn mạnh các ngành dịch vụ và tập trung vào khai thác tiềm năng trong nước. Dường như Ấn Độ hướng đến thị trường nội địa hơn là xuất khẩu. Do đó, Ấn Độ còn bảo hộ quá nhiều trong kinh tế đối ngoại: thuế quan quá cao, sử dụng thuế chống phá giá, cùng nhiều hàng rào phi thuế quan khác. Mặc dù đã ưu tiên tăng trưởng kinh tế và dần có nhiều chính sách nhằm thu hút đầu tư nước ngoài như "Make in India", "Digital India" nhưng Ấn Độ vẫn chậm trễ trong việc triển khai các giải pháp có hiệu quả; chưa có nhiều cải thiện trong những vấn đề mang tính cơ cấu; sự ách tắc về phát triển cơ sở hạ tầng; dự thảo luật cải cách kinh tế và cải cách trong lĩnh vực tài chính ngân hàng vẫn khó khăn. Chỉ trong vòng 18 tháng kể từ khi thực hiện chính sách phi tiền tệ hóa, Ấn Độ đã phải trải qua hai cuộc khủng hoảng tiền mặt giữa thời điểm nhu cầu về tiền mặt tăng đột biến. Cuộc khủng hoảng tiền tệ

gần đây nhất diễn ra vào tháng 4/2018, trước thềm bầu cử, lượng tiền cần trong lưu thông cũng tăng lên vì các đảng phái chính trị chi tiêu cho các chiến dịch vận động và các cử tri của mình. Thời điểm tháng 4 cũng là mùa gieo trồng nông nghiệp nên nhu cầu về tiền mặt cũng cao hơn. Sự thiếu hụt tiền tệ được ghi nhận đầu tiên tại bang Andhra Pradesh, Telengana và Madhya Pradesh trong vài tuần đầu tháng 4 và đã lan sang nhiều bang khác.

*2.2. Từ phía Việt Nam*

Hiện nay, Việt Nam đang trong tiến trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường mở, chưa tạo lập được thị trường hoàn hảo, do đó chưa phát huy được các quan hệ kinh tế đến mức cao. Do trải qua một thời gian dài thực hiện chế độ quản lý theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung nên di sản của nó vẫn là một trở ngại trong tiến trình hợp tác của Việt Nam với Ấn Độ.

Dù đã thu hẹp được trong những năm gần đây, nhưng Việt Nam vẫn ở thế nhập siêu từ thị trường Ấn Độ. Với quy mô dân số lớn thứ hai thế giới và tốc độ tăng trưởng kinh tế nổi trội, Ấn Độ trở thành một thị trường đầy tiềm năng cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam. Trong điều kiện đó Việt Nam vẫn nhập siêu từ Ấn Độ là một bất lợi không nhỏ trong quan hệ thương mại giữa song phương. Nguyên nhân chủ yếu là do cơ cấu hàng hóa xuất khẩu dù đã được đa dạng hóa nhiều nhưng còn khá đơn điệu. Việt Nam xuất sang Ấn Độ những mặt hàng có giá trị gia tăng thấp như nông sản chưa qua chế biến, khoáng sản thô, nguyên liệu phục vụ cho sản xuất.

***Bảng 2:* Một số mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Ấn Độ, giai đoạn 2008 - 2016**

*Đơn vị: Triệu USD*

| Mặt hàng | 2008 | 2010 | 2012 | 2014 | 2016 |
|---|---|---|---|---|---|
| **Nhóm hàng công nghiệp** | | | | | |
| Điện thoại các loại và linh kiện | 54 | 361 | 750 | 1102 | 1221 |
| Máy móc, thiết bị, dụng cụ | 0,7 | 2,4 | 6,8 | 13,3 | 15 |
| Sắt thép | 63 | 72 | 45 | 34 | 23 |
| **Nhóm hàng nông, lâm thủy sản** | | | | | |
| Cà phê | 35 | 70 | 122 | 209 | 208 |
| Hạt tiêu | 8,9 | 18,5 | 38,4 | 39 | 40 |
| Hạt điều | 1,03 | 18,1 | 16,9 | 17 | 19 |
| Thủy sản | 0,2 | 4,67 | 15,1 | 16,3 | 20 |
| Hoa quả | 1,5 | 17,8 | 17,2 | 4,7 | 31 |
| Gỗ và sản phẩm từ gỗ | 7,1 | 16,9 | 46,5 | 57,3 | 48 |
| Cao su | 10,3 | 75,6 | 212 | 176 | 139 |

***Nguồn:*** *Tính toán của tác giả từ dữ liệu ITC (http://trademap.org ) và Chính phủ Ấn Độ (http://www.commerce.nic.in/eidb/Default.asp ), ngày truy cập 24/5/2018.*

Để tránh rủi ro cho hàng xuất khẩu, Việt Nam hiện đang hướng tới mở rộng thị trường xuất khẩu, tận dụng cơ hội thuận lợi của hội nhập quốc tế để thúc đẩy xuất khẩu. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn còn phụ thuộc tương đối nhiều vào trao đổi thương mại với Trung Quốc. Bất chấp nền kinh tế thế giới vẫn phải đối mặt với muôn vàn khó khăn và đà tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc đang chậm dần, quan hệ thương mại Việt Nam – Trung Quốc vẫn tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ. Năm 2017, kim ngạch thương mại Việt Nam – Trung Quốc đã đạt 93,69 tỷ USD. Với kết quả trong năm 2017 và tốc độ tăng trưởng những năm gần đây, nhiều khả năng, năm 2018, kim ngạch thương mại song phương Việt Nam - Trung Quốc lần đầu tiên sẽ chạm mốc 100 tỷ USD và là đối tác thương mại đầu tiên lập được kỷ lục này (Phương Lan, 2018). Vị trí địa lý giáp giới với nhau cả trên đất liền và trên biển, nên các tuyến giao lưu buôn bán giữa Việt Nam và Trung Quốc rất nhiều về số lượng và đa dạng về hình thức. Hình thức biên mậu rất phổ biến trong quan hệ thương mại hàng hóa giữa Việt Nam và Trung Quốc. Tổng xuất khẩu của các tỉnh biên giới phía Bắc của Việt Nam sang Trung Quốc chiếm tỷ trọng cao trong tổng kim ngạch thương mại giữa hai nước. Riêng năm 2015, theo Bộ Công Thương, tổng giá trị thương mại qua tuyến biên giới ước đạt 27,56 tỷ USD (trong tổng giá trị thương mại là 66,6 tỷ USD), tăng 27% so với năm 2014. (Ngô Xuân Bình, 2017). Trung Quốc là thị trường láng giềng lớn nhất của Việt Nam, thương mại hai bên được tiến hành theo nhiều phương thức mậu dịch phong phú: chính ngạch, buôn bán qua biên giới, tạm nhập tái xuất, quá cảnh, chuyển khẩu, trao đổi hàng hóa giữa cư dân biên giới hai nước. Đây thực sự là một thách thức lớn cho việc đa dạng hóa thị trường của Việt Nam trong đó có cả việc thâm nhập sâu vào thị trường Ấn Độ.

### *2.3. Từ bối cảnh khu vực – quốc tế*

Sau cuộc khủng hoảng tài chính vào năm 2008, nền kinh tế thế giới đã phục hồi nhưng vẫn còn hết sức chậm chạp và nhiều biến động khó lường. Mỹ - nền kinh tế lớn nhất thế giới, chính là nơi phát ra cơn khủng hoảng, lại là nước phục hồi chậm chạp. Các nước G7 và EU gặp khó khăn trong sự phát triển khi liên kết kinh tế có vấn đề, điển hình là khủng hoảng nợ công của Hy Lạp. Brexit tuy cũng có thể có những mặt tích cực về lâu dài cho nước Anh nhưng trước mắt đã giáng cho nền kinh tế nước này một đòn khá mạnh. Các nền kinh tế mới nổi thì đang có dấu hiệu suy giảm tăng trưởng. Điển hình là Nga gặp khó khăn lớn sau sự kiện nhập Crimea vào lãnh thổ; Trung Quốc, Brazil... gặp nhiều vấn đề kinh tế - xã hội.

Hiện nay, Ấn Độ phải cạnh tranh gay gắt với nhiều nước lớn trong quan hệ kinh tế với Việt Nam cũng như các quốc gia khác trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Mỹ tăng cường thúc đẩy chiến lược "Tái cân bằng" nay là chiến lược "Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương", Trung Quốc ráo riết triển khai chiến lược "Mộng Trung Hoa" khiến tình hình khu vực trở nên phức tạp... Về kinh tế, thương mại, Đông Nam Á trong đó có Việt Nam là đối tác quan trọng để Trung Quốc phát triển kinh tế, là nơi hấp dẫn để Trung Quốc phát triển kinh tế, mở rộng thị trường nhất là hệ thống các trục giao thông cả đường bộ, đường thủy và đường sắt theo hướng Bắc Nam, qua đó mở rộng ảnh hưởng đối với khu vực. Cũng từ năm 2014, biển Đông là nơi xuất phát điểm để Trung Quốc thực hiện đại chiến lược "Một vành đai, một con đường", với các sáng kiến thành lập khu vực mậu dịch tự do châu Á – Thái Bình Dương, xây dựng Ngân hàng Phát triển cơ sở hạ tầng châu Á... Ý đồ chiến lược an ninh quân sự, kinh tế của Trung Quốc ở biển Đông, ở Đông Nam Á và châu Á – Thái Bình Dương đã rất rõ ràng (Đinh Công Tuấn, 2017).

Sau khủng hoảng toàn cầu 2008, trong bối cảnh kinh tế tăng trưởng yếu, nhiều nước đã thúc đẩy sản xuất hàng hóa công nghiệp để thay thế hàng hóa nhập khẩu, đồng thời thắt chặt quy định về tỷ lệ nội địa hóa và hỗ trợ hàng xuất khẩu.

Những bất ổn và xáo trộn trong trật tự khu vực tiếp tục nảy sinh từ chính sách "Nước Mỹ trên hết" của chính quyền D. Trump. Xu hướng bảo hộ của Mỹ khiến nhiều nước trên thế giới cùng gia tăng chính sách bảo hộ, đặt ra các rào cản thương mại để bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng trong nước. Hàng hóa Mỹ được ưu ái, đầu tư tại Mỹ được tạo thuận lợi, người lao động Mỹ được ưu tiên tạo việc làm. Còn trên thế giới, có một thực tế là Chính phủ nhiều nước cũng đang trở lại chính sách thúc đẩy sản xuất hàng hóa trong nước để "thế chân" hàng nhập khẩu, thắt chặt quy định về tỷ lệ nội địa hóa và trợ giá hàng xuất khẩu. Chủ nghĩa bảo hộ lại gây ảnh hưởng tiêu cực đến người tiêu dùng nói chung cũng như người sản xuất và người lao động trong các lĩnh vực xuất khẩu. Thêm vào đó, những hạn chế về mặt thương mại gây ra bởi chủ nghĩa bảo hộ là con đường hai chiều. Mọi hành động mang tính bảo hộ đều có thể hứng chịu "sự trả đũa" bởi các hình thức tương tự. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đã nổ ra.

Có thể nói, đó là những thách thức lớn mà quan hệ Việt Nam - Ấn Độ đã và đang phải đối mặt.

**3. Cần phải làm gì để khai thác cơ hội và kiềm chế thách thức?**

Hợp tác trong lĩnh vực kinh tế, thương mại và đầu tư được xác định là một mục tiêu chiến lược trong Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Ấn Độ. Trên tinh thần đó, lãnh đạo hai nước đã đưa ra nhiều biện pháp thiết thực như phát huy hiệu quả các cơ chế đã được thiết lập như Tiểu ban Hỗn hợp về thương mại; tăng cường hợp tác giữa các bang của Ấn Độ và các địa phương của Việt Nam; tăng cường trao đổi đoàn và hợp tác giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp; định kỳ tổ chức các hội chợ thương mại; các diễn đàn, sự kiện... Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu đưa kim ngạch song phương lên mức 15 tỷ USD trong năm 2020 thì hai nước phải khai thác những cơ hội thương mại và kinh doanh mới.

Để khai thác tiềm năng phát triển hợp tác, hai bên cần trao đổi về các biện pháp cụ thể và mở rộng hợp tác hơn nữa trên các lĩnh vực quan trọng khác trong đó xác định những lĩnh vực cụ thể mà Việt Nam và Ấn Độ có thế mạnh có thể bổ trợ lẫn nhau và giám sát. Với sự phát triển không ngừng trong quan hệ thương mại song phương, kết nối cũng là một vấn đề quan trọng. Đây là một lĩnh vực mà Việt Nam và Ấn Độ cần tiếp tục tăng cường, bởi lẽ những thách thức từ khoảng cách phát triển giữa hai nước có thể biến thành cơ hội thông qua tăng cường kết nối.

Hiện nay, Việt Nam và Ấn Độ có đường bay nối liền New Delhi và Mumbai với thành phố Hồ Chí Minh. Đây được coi là phát triển mang tính đột phá, tuy nhiên tuyến đường hàng không này không đáp ứng được theo đúng kỳ vọng của hai bên do thời gian bay dài và vẫn phải trung chuyển tại Bangkok. Việc mở đường bay thẳng New Delhi – Hà Nội và từ Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh đến các thành phố khác của Ấn Độ có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy hợp tác thương mại và du lịch giữa hai nước.

Ngoài ra kết nối trên đường bộ cũng sẽ tạo thuận lợi cho tăng trưởng mạnh mẽ hơn nữa liên kết kinh tế và văn hóa. Ngoài những lợi ích liên quan đến lưu thông hàng hóa, tuyến đường bộ cũng thúc đẩy sự phát triển cân bằng cho từng vùng, vốn là mục tiêu phát triển của hai nước. Cùng với đó, số lượng khách du lịch qua lại giữa hai quốc gia cũng sẽ tăng nhanh. Cả Ấn Độ và Việt Nam đều là đối tác trong Hợp tác sông Mê Công – sông Hằng (MGC) với mục đích nhằm tập trung chủ yếu vào liên kết bằng đường bộ. Tuyến đường sắt New Delhi – Hà Nội đã được đề xuất trong cuộc gặp cấp Bộ trưởng tại Phnom Penh vào tháng 6/2003 nhưng cho đến nay đề xuất này vẫn chưa được hai nước triển khai. Có thể nói vấn đề liên kết đường bộ giữa Ấn Độ và Nam Á, trong đó có Việt Nam vẫn là ưu tiên hàng đầu (Pranav Kumar, 2008).

Lĩnh vực du lịch cũng là một vấn đề nổi trội trong các cuộc thảo luận thượng đỉnh giữa Ấn Độ

và ASEAN bởi những tiềm năng mà ngành du lịch mang lại giúp cho việc phát triển chung giữa hai bên thuận lợi hơn. Với thực tế, du lịch là một trong 4 lĩnh vực trọng tâm trong Hợp tác sông Mê Công – sông Hằng (MGC), trong thời gian tới du lịch sẽ tiếp tục là lĩnh vực vô cùng thiết yếu, mở ra nhiều cơ hội trong hợp tác giữa hai nước. Cả Ấn Độ và Việt Nam đều chủ động tham gia vào các cuộc thảo luận này ở cả cấp độ khu vực và song phương. Gần đây, cả hai nước đều nổi lên thành điểm đến du lịch hàng đầu thế giới. Lượng khách Ấn Độ đi du lịch Việt Nam năm 2016 đạt con số 85.000 lượt tăng từ mức 60.000 lượt năm 2015. Lượng khách Ấn Độ đến Việt Nam chỉ chiếm 1,7% tổng lượng khách Ấn Độ đến các nước ASEAN. Hàng năm, có 16 triệu du khách Ấn Độ đi du lịch nước ngoài. Như vậy, trao đổi khách hai chiều của Việt Nam và Ấn Độ vẫn hết sức khiêm tốn so với tiềm năng, thế mạnh, mối quan hệ của hai nước (Bảo Thoa, 2017).

Hai nước đang mong muốn biến du lịch thành thỏi "nam châm" thu hút ngoại hối vì vậy, hai nước cần nhanh chóng đẩy mạnh hợp tác trong lĩnh vực này. Việt Nam có khá đông dân số theo Phật Giáo, và Ấn Độ là quê hương của đức Phật, do đó Ấn Độ có thể thu hút một lượng lớn khách du lịch từ Việt Nam tới thăm các địa điểm tôn giáo liên quan đến đạo phật. Ấn Độ cần quảng bá những điểm đến tiềm năng tới những khách du lịch tiềm năng. Một chiến dịch thúc đẩy du lịch toàn diện có thể sẽ mang lại hiệu quả. Điểm mạnh của du lịch Việt Nam là tham quan các di sản thiên nhiên và phía Việt Nam còn thiếu thông tin về nhu cầu, sở thích của khách du lịch Ấn Độ, nên các du khách Ấn Độ thường lựa chọn Malaysia hay Thái Lan (do có nhiều nét tương đồng về tôn giáo). Do đó, Việt Nam cần thúc đẩy một chiến dịch du lịch toàn diện trong đó tìm hiểu, khai thác nhu cầu từ các du khách Ấn Độ để có thể cung cấp nhiều lựa chọn.

Tóm lại, cả Việt Nam và Ấn Độ cần nỗ lực hơn nữa để khai thác tốt các cơ hội và kiềm chế có hiệu quả những thách thức đến từ cả bên trong và bên ngoài. Những nỗ lực này phải được hiện thực hóa qua các chính sách cụ thể từ cả phía Ấn Độ và Việt Nam nếu lãnh đạo hai nước có quyết tâm chính trị cao♦

**Tài liệu tham khảo:**


1. Bảo Thoa (2017): *Thúc đẩy du lịch Việt Nam - Ấn Độ*, http://www.baocongthuong.com.vn/thuc-day-du-lich-viet-nam-an-do.html, truy cập ngày 06/06/2018.
2. Đinh Công Tuấn (2017): *Những thay đổi trong "Chiến lược xoay trục châu Á – Thái Bình Dương" của Mỹ thời gian tới và cách ứng phó của Việt Nam*, Hội thảo khoa học An ninh khu vực châu Á – Thái Bình Dương: Đặc điểm và những động thái mới, Tháng 11/2017, tr. 24 – 40.
3. Đỗ Thắng Hải (2017): *Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ và cơ hội tiếp cận thị trường Ấn Độ*, Quan hệ Việt Nam - Ấn Độ trên lĩnh vực kinh tế, thương mại, năng lượng, NXB. Thông tin và Truyền thông.
4. Eximbank India (2017): *India's engagements with CLMV: Gateway to ASEAN Market*, Occasional Paper No 180.
5. Hoang The Anh (2015): *Introduction to International Conference on China's Relations with its Neighboring Countries in the New Context*, Conference on China's Relations with its

Neighboring Countries in the New Context, Vietnam Academy of Social Sciences, Hanoi, Vietnam, 9 July.

6. IMF 2017: *World Economic Outlook October 2017: Seeking Sustainable Growth Short-term recovery, Long-term challenges*, IMF.
7. IMF 2018, *World Economic Outlook April 2018: Cyclical Upswing, Structural Change, World Economic and Financial Surveys*, IMF.
8. KPMG 2018, *India soars higher*, KPMG India.
9. Ngô Xuân Bình (2016): *Vietnam – India Economic ties: challenges and opportunities since 2007,* China Report 52 (2), 2016, pp. 112 – 128.
10. Ngô Xuân Bình (2017): *Main characteristics of Vietnam – China trade relations, 2000 – 15,* China Report 53(3), 2017, pp. 355 – 366.
11. Nguyễn Thanh Tân (2017): *Chính sách kinh tế của Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi và gợi mở một số hướng hợp tác kinh tế với Việt Nam*, Quan hệ Việt Nam - Ấn Độ trên lĩnh vực kinh tế, thương mại, năng lượng, NXB. Thông tin và Truyền thông.
12. Phương Lan (2018): *Thương mại Việt Nam – Trung Quốc có thể đạt 100 tỷ USD*, http://www.baocongthuong.com.vn/nam-2018-thuong-mai-viet-nam-trung-quoc-co-the-dat-100-ty-usd.html, truy cập ngày 04/06/2018
13. Pranav Kumar (2008): *India – Vietnam Economic Relations: Opportunities and Challenges,* IPCS Special Report No.57, Institute of Peace and Conflict, New Delhi.

***Thông tin tác giả:***

**PGS.TS. NGÔ XUÂN BÌNH** *Trường Đại học Hòa Bình*

***Email:*** mrbinhvass@yahoo.com